

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**Nội dung rà soát văn bản giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh KonTum để phục vụ
sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh**

(Kèm theo Công văn số 1362/SKHCN-VP ngày 13/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh KonTum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
1	Nghị quyết	Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	Nghị quyết Số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Chưa có		Bãi bỏ hoặc ban hành mới thay thế để phù hợp với các quy định cấp trên và tình hình thực tiễn sau sáp nhập 02 tỉnh	
2	Nghị quyết	- Quyết định 1322/QĐ-TTg	Nghị quyết Số	Nghị quyết số 73/2021/NQ-	1. Về đối tượng: Không. 2. Mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà	Qua rà soát khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030; Thông tư 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030	23/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh	HĐND ngày 14/12/2021 số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	nước: (1) Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: - Kon Tum: Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. - Quảng Ngãi: Không. (2) Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: - Kon Tum: a) Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh phục vụ trực tiếp cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng, thiết lập nền tảng tiêu chuẩn hóa cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	5 của Nghị quyết thi văn bản liên quan đến nội dung hỗ trợ là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã hết hiệu lực. Do đó đề nghị Sở KH&CN Quảng Ngãi mới tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết này.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					b) Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ: Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bằng 80% theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. - Quảng Ngãi: Không.				
3	Nghị quyết	Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 13/01/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KHCN	Nghị quyết Số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 Quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ	Nghị Quyết số 101/NQ-HDDND ngày 09/12/2024 Quy định về nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh KonTum	Nội dung khác nhau	Tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh Kon Tum	- Đối với NV KHCN cấp tỉnh: 28 triệu đồng/tháng; - Đối với NV KHCN cấp cơ sở: 17 triệu đồng/tháng	- Đối với NV KHCN cấp tỉnh: 24 triệu đồng/tháng; - Đối với NV KHCN cấp cơ sở: 16,8 triệu đồng/tháng
					1. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm vụ khoa học và công	- Đối với NV KHCN cấp tỉnh: 28 triệu đồng/tháng; - Đối với NV KHCN cấp cơ sở: 17 triệu đồng/tháng	- Đối với NV KHCN cấp tỉnh: 24 triệu đồng/tháng; - Đối với NV KHCN cấp cơ sở: 16,8 triệu đồng/tháng		

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
			khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh		nghệ				
					2. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ	2. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo công thức tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước		Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo công thức tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					3. Chi Hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu:	- Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi CTP, chi hội nghị tại tỉnh Quảng Ngãi; - Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung	- Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Kon Tum quy định mức chi CTP, chi hội nghị, chế độ tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; - Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2027 và Nghị quyết số 46/2019/NQ-	- Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi CTP, chi hội nghị tại tỉnh Quảng Ngãi; - Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
						điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	HĐND ngày 09/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND.		
					3. Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	So sánh chi tiết theo PL đính kèm		Theo PL đính kèm	
					4. Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu	Áp dụng mức tối đa theo quy định tại Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2019 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện	Được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh KonTum quy định nội	Đề xuất thực hiện theo mức được quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm hoặc theo Nghị quyết thay thế Nghị	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
						các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2019	dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh KonTum	quyết 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 (nếu có) đối với Tỉnh Quảng Ngãi mới	
					5. Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ được quy	Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học công nghệ được quy định Nghị Quyết (nếu có)	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
							định Nghị Quyết (nếu có)		
					a. Chi hợp Hội đồng				
					Chủ tịch Hội đồng	630			
					Phó Chủ tịch Hội đồng, Thành viên Hội đồng	520			
					Thư ký khoa học	150			
					Thư ký hành chính	100			
					Đại biểu mời tham dự	70			
					b. Chi nhận xét đánh giá				
					Nhận xét đánh giá của UVPB trong Hội đồng	350			

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					Nhận xét đánh giá của UV trong Hội đồng	240			
					6. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Bằng 3,5% tổng dự toán KP thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng NSNN nhưng không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ đối với NV KHCN cấp tỉnh và không quá 100 triệu đồng đối với NVKHCN cấp cơ sở	Bằng 5% tổng dự toán KP thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng NSNN nhưng không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ đối với NV KHCN cấp tỉnh và không quá 100 triệu đồng đối với NVKHCN cấp cơ sở	Bằng 5% tổng dự toán KP thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng NSNN nhưng không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ đối với NV KHCN cấp tỉnh và không quá 100 triệu đồng đối với NVKHCN cấp cơ sở	
					7. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu		Thực hiện theo Thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước	Thực hiện theo Thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo Hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					có)		(nếu có), thanh toán theo Hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt		
					8. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ	So sánh chi tiết theo PL đính kèm		Theo PL đính kèm	
					9. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	So sánh chi tiết theo PL đính kèm		Theo PL đính kèm	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)		Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					10. Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ	So sánh chi tiết theo PL đính kèm	Theo PL đính kèm	
					11. Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	So sánh chi tiết theo PL đính kèm	Theo PL đính kèm	
					12. Chi thù lao của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ	So sánh chi tiết theo PL đính kèm	Theo PL đính kèm	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)		Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					khoa học và công nghệ			
					13. Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định		Được thực hiện trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của Pháp luật	
					14. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập	Bảng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch và chi nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	Bảng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch và chi nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng	
					15. Chi thông báo tuyển		Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					chọn trên các phương tiện truyền thông		truyền thông		

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					16. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ; kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Theo quy định tại NQ số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của tỉnh Quảng Ngãi	Theo quy định tại NQ số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017; 14/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của tỉnh Quảng Ngãi	Theo quy định tại NQ số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của tỉnh Quảng Ngãi	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
4	Nghị quyết	Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài	Nghị quyết Số 08/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024	Nghị quyết Số 21/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019	Mức chi quy định tại Nghị quyết của tỉnh Kon Tum cao hơn Nghị quyết của tỉnh Quảng Ngãi	Đề xuất bãi bỏ, Ban hành mới theo quy định hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		chính Quy định chế độ tài chính cho các hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng	Quy định mức chi đối với hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh				

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
5	Nghị quyết	Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"	Nghị quyết Số 18/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết Số 57/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh	Mức chi quy định tại Nghị quyết của tỉnh Quảng Ngãi bằng 80% mức chi quy định tại Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. Mức chi quy định tại Nghị quyết của tỉnh Kon Tum bằng 100% mức chi quy định tại Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.			Ban hành Nghị quyết mới áp dụng theo Nghị quyết số 57/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019. Lý do: Phạm vi và mức hỗ trợ sát với Thông tư 45/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính	
6	Nghị quyết	Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	Nghị quyết Số 32/2024/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân	Nghị quyết Số 60/2024/NQ-HĐND ngày 26/09/2024 Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; mua	Nội dung khác nhau	Tỉnh Quảng Ngãi	Tỉnh Kon Tum	Điểm b, khoản 1, Điều 1: Đối với việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa	Điểm b, khoản 1, Điều 1: Đối với việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa
					1. Phạm vi điều chỉnh	Điểm b, khoản 1, Điều 1: Đối với việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ KHCN thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa	không		

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)		Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
			sách nhà nước; việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	sắm hàng hoá, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh		học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Điểm c, khoản 1, Điều 1: Ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện	định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Điểm c, khoản 1, Điều 1: Ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
						theo quy định pháp luật hiện hành			
					2. Đối tượng áp dụng		Điểm a, khoản, Điều 1: Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ	Điểm a, khoản, Điều 1: Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ; cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ	
					3. Điều 2: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử	1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên;	1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản đối với nguồn kinh phí được giao Sở Khoa học và Công nghệ	1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên; 2. Thủ trưởng được giao quản lý kinh phí nhiệm	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)			Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
					dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	2. Thủ trưởng được giao quản lý kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ trên 50 triệu đến dưới 01 tỷ đồng;	quản lý;	vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ trên 50 triệu đến dưới 01 tỷ đồng;	
					3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật đấu thầu số 22/2023/QH158	2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) quyết định việc mua sắm tài sản đối với nguồn kinh phí được giao quản lý;	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản đối với nguồn kinh	3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật đấu thầu số 22/2023/QH158 đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 50 triệu đồng.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)		Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
						đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 50 triệu đồng.	phí được giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)		Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
						Điều 3: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi:	Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh KinTum (bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh KonTum): 1. Đối với nguồn kinh phí giao cho các đơn vị cấp tỉnh quản lý: a) Thủ	Điều 3: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ sử dụng nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi:

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
7	Quyết định		Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	Chưa có		Đề xuất bãi bỏ. Vì các Văn bản tham chiếu hết hiệu lực: Nghị định số 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã hết hiệu lực toàn bộ từ ngày 15/01/2014, sau khi bị thay thế bởi Nghị định số 174/2013/NĐ-CP	
8	Quyết định	Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007	Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014; Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 lý nhà nước	Không có		Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 56/2021/QĐ-UBND sau khi các văn bản QPPL có liên quan được cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất	về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi				

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Quy định quản					
9	Quyết định	Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị	Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử	Các quy định đã bãi bỏ tại Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Bãi bỏ một số Quyết	Áp dụng Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN để quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (lý do: (1) Phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định việc xác định nhiệm vụ; tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (bao gồm: đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm,	Ban hành Quyết định Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với các quy định của văn bản cấp trên (Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo) và thực tiễn tỉnh	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ	dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	định do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành	dự án khoa học và công nghệ), cấp cơ sở (bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ) sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. (2) Mặt khác, việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật từ ngày văn bản có hiệu lực thi hành đã được quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). UBND tỉnh Kon Tum đã ban hành Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Bãi bỏ một số Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành gồm: Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 31/7/2028 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum; Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 Quy định các định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum; Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum.	Quảng Ngãi sau sắp nhập.	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc kiểm tra,					

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-					

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2017/TT-BKHC ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và					

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;					
10	Quyết định	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông	Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin thuộc lĩnh vực công	Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND 17/06/2016 Quyết định về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an		Chuyển chức năng nhiệm vụ này qua Công an tỉnh (Công an tỉnh đề xuất)	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		tin theo cấp độ; Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 03 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án	nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	ninh thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh			

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về					

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;					
11	Quyết định	Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009; Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung	Quyết định Số 09/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 Quy định quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND 04/9/2014 quy định thời gian hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử.; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND 20/01/2020 phân cấp thẩm quyền		Chuyển chức năng nhiệm vụ này qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở VH-TT&DL đề xuất)	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng		cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Kon Tum			
12	Quyết định	Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008; Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng	Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng	Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 9/10/2023 Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng		Tiếp tục áp dụng Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		nguyên tử	việc bức xạ - sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X - quang chẩn đoán y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh	thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X - quang chẩn đoán y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh			
13	Quyết định	Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009; Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Căn cứ Nghị định số	Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh.	Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND, ngày 16/7/2018 Quy định quản lý mạng cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn tỉnh		Đề xuất bãi bỏ, Ban hành mới theo quy định hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông”;					
14	Quyết định	Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021	Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 Quy chế hoạt động của Hệ	Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 Ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải		Đề xuất bãi bỏ, Ban hành mới theo quy định hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
			thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum; Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND 17/10/2023 Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh Kon Tum			
15	Quyết định	Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của	Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 Quy định mức kinh tế - kỹ	Chưa có			

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đặt u thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi				
			Lĩnh vực CNTT (không bao gồm lĩnh vực an toàn thông tin)			Sở KHCN tham mưu ban hành trên cơ sở Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND	
			Lĩnh vực an toàn thông tin			Đề nghị Công an tỉnh tham mưu (thuộc chức năng, nhiệm vụ của Công an tỉnh)	
			Lĩnh vực tuyên truyền nhiệm vụ chính trị			Đề nghị Sở VH TTDL tham mưu (thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở VH TTDL)	
16	Quyết định		Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày	Chưa có		Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
			08/11/2024 Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi				
17	Quyết định	Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023; Căn cứ Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan đảng, nhà nước; Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông	Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND 22/10/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Quyết định số 24/2005/QĐ-UB 17/6/2005 Ban hành quy chế quản lý, khai thác		Đề xuất bãi bỏ, Ban hành mới theo quy định hiện hành; Hiện nay thực hiện theo CQ 2 cấp nên địa chỉ IP của từng đơn vị thay đổi	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;		và bảo vệ mạng diện rộng của tỉnh Kon Tum			
18	Quyết định	Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp	Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ		Ban hành Quyết định mới khi có Thông tư hướng dẫn của Bộ KHCN và phù hợp với quy định hiện hành	

STT	Tên loại và tên gọi văn bản	Cơ sở pháp lý	Văn bản của tỉnh Quảng Ngãi (Nội dung khác nhau)	Văn bản của tỉnh Kon Tum (Nội dung khác nhau)	So sánh nội dung khác nhau giữa văn bản của hai tỉnh (Về đối tượng, mức chi đảm bảo từ ngân sách nhà nước; mức thu phí, lệ phí, tỷ lệ để lại, đối tượng miễn, giảm (nếu có)...)	Nội dung đề xuất, phương án thống nhất giữa 02 Sở để tham mưu, báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét	Dự kiến nguồn lực đảm bảo/Nguồn kinh phí thực hiện (nếu có)
		tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thông tư số 01/2021/TT-BKHCHN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện					